

Số: 972 /TB-ĐLĐK
Number: 972/TB-DLĐK

Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2026
Hanoi, May, 4, 2026

**TÓM TẮT SỔ CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY TẠI NGÀY 20/04/2026 ĐỂ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
SUMMARY OF THE COMPANY'S SHAREHOLDER REGISTER AS OF
APRIL 20, 2026 FOR THE PURPOSE OF HOLDING THE 2026 ANNUAL GENERAL
MEETING OF SHAREHOLDERS**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

To:

- State Security Commission of Vietnam;
- Hochiminh Stock Exchange.

I. CƠ CẤU SỞ HỮU/ OWNERSHIP STRUCTURE:

1. Cơ cấu sở hữu theo loại cổ đông/ Ownership structure by type of shareholder

STT/ No	Đối tượng/ Category	Số lượng cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ sở hữu/Ownership percentage (%)	Số lượng cổ đông/ Number of shareholders	Cơ cấu cổ đông/ Shareholder structure (*)	
					Tổ chức/ Organization	Cá nhân/ Individual
1	Cổ đông Nhà nước State shareholder	2.452.505.334 2,452,505,334	79,94% 79.94%	1 1	1 1	0 0
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI Founding shareholder/ FDI shareholder	0 0	0 0	0 0	0 0	0 0
3	Cổ đông lớn Major shareholder	0 0	0 0	0 0	0 0	0 0
4	Công đoàn Công ty Company Union	0 0	0 0	0 0	0 0	0 0

STT/ No	Đối tượng/ Category	Số lượng cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ sở hữu/Ownership percentage (%)	Số lượng cổ đồng/ Number of shareholders	Cơ cấu cổ đông/ Shareholder structure (*)	
					Tổ chức/ Organization	Cá nhân/ Individual
5	Cổ phiếu quỹ <i>Treasury stock (*)</i>	0 0	0 0	0 0	0 0	0 0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có) <i>Shareholders owning preferred shares (if any)</i>	0 0	0 0	0 0	0 0	0 0
7	Cổ đông khác <i>Other shareholders</i>	615.340.354 615,340,354	20,06% 20.06%	87.439 87,439	151 151	87.288 87,288
	- Trong nước <i>- Domestic</i>	525.388.283 525,388,283	17,13% 17.13%	86.950 86,950	96 96	86.854 86,854
	- Nước ngoài <i>- Foreign</i>	89.952.071 89,952,071	2,93% 2.93%	489 489	55 55	434 434
	TỔNG CỘNG TOTAL	3.067.845.688 3,067,845,688	100,00% 100.00%	87.440 87,440	152 152	87.288 87,288
	<i>Trong đó: - Trong nước</i> <i>- Of which: - Domestic</i>	<i>2,977,893,617</i> <i>2,977,893,617</i>	<i>97,07%</i> <i>97.07%</i>	<i>86,951</i> <i>86,951</i>	<i>97</i> <i>97</i>	<i>86,854</i> <i>86,854</i>
	<i>- Nước ngoài</i> <i>- Foreign</i>	<i>89,952,071</i> <i>89,952,071</i>	<i>2,93%</i> <i>2.93%</i>	<i>489</i> <i>489</i>	<i>55</i> <i>55</i>	<i>434</i> <i>434</i>

**2. Cơ cấu sở hữu theo Cổ đông lớn và Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (NĐTCKCN)/
Ownership structure by major shareholders and professional securities investors (PSEs)**

STT/ No	Đối tượng/ Category	Số lượng cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ sở hữu/ Ownership percentage (%)	Số lượng cổ đồng/ Number of shareholders	Cơ cấu cổ đông/ Shareholder structure (*)	
					Tổ chức/ Organization	Cá nhân/ Individual
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN	0	0	0	0	0
	<i>Major shareholders owning 5% or more of the capital stock are not PSEs</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
	<i>- Trong nước</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>

STT/ No	Đối tượng/ Category	Số lượng cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ sở hữu/ Ownership percentage (%)	Số lượng cổ đông/ Number of shareholders	Cơ cấu cổ đông/ Shareholder structure (*)	
					Tổ chức/ Organization	Cá nhân/ Individual
	- Domestic	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
	- Foreign	0	0	0	0	0
2	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% VDL trở lên	2.452.505.334	79,94%	1	1	0
	<i>PSE is a major shareholder owning 5% or more of charter capital.</i>	2,452,505,334	79.94%	1	1	0
	- Trong nước	2.452.505.334	79,94%	1	1	0
	- Domestic	2,452,505,334	79.94%	1	1	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
	- Foreign	0	0	0	0	0
3	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% VDL	325.608.421	10,61%	327	151	176
	<i>PSE is a major shareholder owning less than 5% of charter capital.</i>	325,608,421	10.61%	327	151	176
	- Trong nước	238.210.308	7,76%	270	96	174
	- Domestic	238,210,308	7.76%	270	96	174
	- Nước ngoài	87.398.113	2,85%	57	55	2
	- Foreign	87,398,113	2.85%	57	55	2
TỔNG CỘNG		2.778.113.755	90,55%	328	152	176
TOTAL		2,778,113,755	90.55%	328	152	176

Ghi chú/ Note:

- Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được định nghĩa tại Điều 11 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14/ *Professional securities investors are defined in Article 11 of Securities Law No. 54/2019/QH14.*

- (*): nêu số lượng tổ chức, cá nhân của từng loại hình/ *state the number of organizations and individuals of each type.*

3. Cơ cấu cổ đông theo loại cổ phiếu/ Shareholder structure by type of share

a/ Đối với trường hợp niêm yết bổ sung sau phát hành thêm, sáp nhập/ *In case of additional listing after additional issuance or merger: Không có/ None*

b/ Đối với hồ sơ niêm yết bổ sung sau đợt chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ *For additional listing dossiers after the conversion of bonds into shares: Không có/ None*

c/ Các trường hợp khác/ *Other cases:*

Đối tượng/ <i>Category</i>	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng/ <i>Number of shares restricted for transfer</i>	Số lượng CP chuyển nhượng tự do/ <i>Number of freely transferable shares</i>	Tổng cộng/ <i>Total</i>	Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership percentage (%)</i>
I. Người nội bộ <i>I. Insider</i>	230.000 <i>230,000</i>	74.850 <i>74,850</i>	304.850 <i>304.850</i>	0,0099% <i>0.0099%</i>
II. Cổ phiếu quỹ <i>II. Treasury stock</i>				
III. Công đoàn Công ty <i>III. Company Union</i>				
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có) <i>IV. Shareholders owning preferred shares (if any)</i>				
V. Cổ đông khác <i>V. Other shareholders</i>	1.199.348.617 <i>1,199,348,617</i>	1.868.192.221 <i>1,868,192,221</i>	3.067.540.838 <i>3,067,540,838</i>	99,9901% <i>99.9901%</i>
1. Trong nước <i>1. - Domestic</i>	1.199.348.617 <i>1,199,348,617</i>	1.778.240.150 <i>1,778,240,150</i>	2.977.588.767 <i>2,977,588,767</i>	97,0580% <i>97.0580%</i>
1.1 Cá nhân <i>1.1 Individual</i>	4.994.101 <i>4.994.101</i>	471.367.873 <i>471,367,873</i>	476.361.974 <i>476,361,974</i>	15,5276% <i>15.5276%</i>
1.2 Tổ chức <i>1.2 Organization</i>	1.194.354.516 <i>1,194,354,516</i>	1.306.872.277 <i>1,306,872,277</i>	2.501.226.793 <i>2,501,226,793</i>	81,5304% <i>81.5304%</i>
- Trong đó Nhà nước <i>- the State</i>	1.194.354.516 <i>1,194,354,516</i>	1.258.150.818 <i>1,258,150,818</i>	2.452.505.334 <i>2,452,505,334</i>	79,9423% <i>79.9423%</i>
2. Nước ngoài <i>2. Foreign</i>		89.952.071 <i>89,952,071</i>	89.952.071 <i>89,952,071</i>	2,9321% <i>2.9321%</i>
2.1 Cá nhân <i>2.1 Individual</i>		4.722.858 <i>4,722,858</i>	4.722.858 <i>4,722,858</i>	0,1539% <i>0.1539%</i>
2.2 Tổ chức <i>2.2 Organization</i>		85.229.213 <i>85,229,213</i>	85.229.213 <i>85,229,213</i>	2,7781% <i>2.7781%</i>
TỔNG CỘNG:	1.199.578.617	1.868.267.071	3.067.845.688	100,0000%
TOTAL:	1,199,578,617	1,868,267,071	3,067,845,688	100.0000%

II. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT/ *LIST OF SPECIAL SHAREHOLDERS*

STT/ No	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/ Individual	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/ ID card number/Passport number/Business registration number	Ngày cấp/ Date of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu/ Number of Stocks	Tỷ lệ sở hữu/ Ownership percentage (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng/ Shares restricted for transfer (**)
A. Cổ đông nhà nước/ State Shareholder							
1	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam <i>VietNam National Industry - Energy Group</i>	0100681592 <i>0100681592</i>	22/03/2016 <i>22/03/2016</i>	18 Phố Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội <i>18 Lang Ha, Giang Vo Ward, Hanoi City</i>	2.452.505.334 <i>2,452,505,334</i>	79,94% <i>79.94%</i>	
<i>Tên người đại diện sở hữu cổ phần Nhà nước làm thành viên chủ chốt của Công ty niêm yết</i> <i>Name of the State ownership representative of shares as a key member of the listed company</i>							
1.1	<i>Hoàng Văn Quang</i> <i>- Chủ tịch HĐQT</i> <i>Hoang Van Quang</i> <i>Chairman of the BOD</i>				<i>765.190.205</i> <i>765,190,205</i>	<i>24,94%</i> <i>24.94%</i>	
1.2	<i>Lê Như Linh</i> <i>- TV HĐQT kiêm TGD</i> <i>Le Nhu Linh</i> <i>- Member of the BOD cum General Director</i>				<i>613.569.138</i> <i>613,569,138</i>	<i>20%</i> <i>20%</i>	
1.3	<i>Nguyễn Anh Tuấn</i> <i>- TV HĐQT</i> <i>Nguyen Anh Tuan</i> <i>Member of the BOD</i>				<i>306.784.569</i> <i>306,784,569</i>	<i>10%</i> <i>10%</i>	
1.4	<i>Nguyễn Thị Ngọc Bích</i>				<i>306.784.569</i>	<i>10%</i>	

STT/ No	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of Organization/ Individual	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/ ID card number/Passport number/Business registration number	Ngày cấp/ Date of issue	Địa chỉ/ Address	Số lượng cổ phiếu/ Number of Stocks	Tỷ lệ sở hữu/ Ownership percentage (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng/ Shares restricted for transfer (**)
	- TV HDQT Nguyen Thi Ngoc Bich Member of the BOD				306,784,569	10%	
1.5	Vũ Thị Tố Nga - TV HDQT Vu Thi To Nga Member of the BOD				306.784.569 306,784,569	10% 10%	
1.6	Nguyễn Hoàng Yến - TV HDQT Nguyen Hoang Yen Member of the BOD				153.392.284 153,392,284	5% 5%	
Tổng Cộng A					2.452.505.334	79,94%	
Total A					2,452,505,334	79.94%	
B. Cổ đông lớn/ Major shareholder							
Tổng Cộng B							
Total B							
C. Cổ đông chiến lược/ Strategic shareholder							
Tổng Cộng C							
Total C							
D. Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI (đối với trường hợp TCNY là doanh nghiệp FDI)/ Founding shareholder/FDI shareholder (in case the Listed Company is an FDI enterprise)							
Tổng Cộng D							
Total D							
Tổng Cộng (A+B+C+D)					2.452.505.334	79,94%	
Total (A+B+C+D)					2,452,505,334	79.94%	

Ghi chú/ Note:

Trường hợp là cổ đông Nhà nước: cần ghi rõ tên người đại diện sở hữu cổ phần nhà nước làm thành viên chủ chốt của Công ty niêm yết (nếu có)/ In the case of a State shareholder: it is necessary to clearly state the name of the representative who owns the state shares as a key member of the listed company (if any).

III. BẢNG CHI TIẾT VỀ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ/ DETAILS ON SHAREHOLDINGS OF THE INSIDER

1/ Đối với trường hợp niêm yết bổ sung sau phát hành thêm, sáp nhập/ In case of additional listing after additional issuance or merger: Không có/ None

2/ Đối với hồ sơ niêm yết bổ sung cho đợt chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ For additional listing dossiers after the conversion of bonds into shares: Không có/ None

3/ Trường hợp khác/ Other cases

STT/ No	Họ tên/ Full name	Chức vụ/ Position	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng/ Shares restricted for transfer (*)	Cổ phần chuyển nhượng tự do/ Freely transferable shares (*)	Tổng cộng/ Total (*)	Tỷ lệ sở hữu %/ Ownership percentage % (*)
1	Hoàng Văn Quang <i>Hoang Van Quang</i>	Chủ tịch HĐQT <i>Chairman of the BOD</i>				
	Đại diện vốn cho Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam <i>Capital representative for VietNam National Industry - Energy Group</i>			765.190.205 765,190,205	765.190.205 765,190,205	24,9421% 24.9421%
2	Lê Như Linh <i>Le Nhu Linh</i>	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc <i>Member of the BOD cum General Director</i>				
	Đại diện vốn cho Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam			613.569.138	613.569.138	20%

STT/ No	Họ tên/ Full name	Chức vụ/ Position	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng/ Shares restricted for transfer (*)	Cổ phần chuyển nhượng tự do/ Freely transferable shares (*)	Tổng cộng/ Total (*)	Tỷ lệ sở hữu %/ Ownership percentage % (*)
	Capital representative for VietNam National Industry - Energy Group			613,569,138	613,569,138	20%
3	Nguyễn Anh Tuấn <i>Nguyen Anh Tuan</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of the BOD</i>				
	Đại diện vốn cho Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam			306.784.569	306.784.569	10%
	Capital representative for VietNam National Industry - Energy Group			306,784,569	306,784,569	10%
4	Nguyễn Thị Ngọc Bích <i>Nguyen Thi Ngoc Bich</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of the BOD</i>				
	Sở hữu cá nhân		5.000	48.936	53.936	0,0018%
	Individual ownership		5,000	48,936	53,936	0.0018%
	Đại diện vốn cho Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam			306.784.569	306.784.569	10%
	Capital representative for VietNam National Industry - Energy Group			306,784,569	306,784,569	10%
5	Vũ Thị Tố Nga <i>Vu Thi To Nga</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of the BOD</i>				
	Đại diện vốn cho Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam			306.784.569	306.784.569	10%
				306,784,569	306,784,569	10%

STT/ No	Họ tên/ Full name	Chức vụ/ Position	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng/ Shares restricted for transfer (*)	Cổ phần chuyển nhượng tự do/ Freely transferable shares (*)	Tổng cộng/ Total (*)	Tỷ lệ sở hữu %/ Ownership percentage % (*)
	<i>Capital representative for VietNam National Industry - Energy Group</i>					
6	Nguyễn Hoàng Yến <i>Nguyen Hoang Yen</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of the BOD</i>				
	Sở hữu cá nhân <i>Individual ownership</i>		80.000 <i>80,000</i>		80.000 <i>80,000</i>	0,0026% <i>0.0026%</i>
	Đại diện vốn cho Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam <i>Capital representative for VietNam National Industry - Energy Group</i>			153.392.284 <i>153,392,284</i>	153.392.284 <i>153,392,284</i>	5% <i>5%</i>
6	Phạm Ngọc Khuê <i>Pham Ngoc Khue</i>	Thành viên độc lập HĐQT <i>Independent Member of the BOD</i>				
	Sở hữu cá nhân <i>Individual ownership</i>		80.000 <i>80,000</i>		80.000 <i>80,000</i>	0,0026% <i>0.0026%</i>
7	Vũ Thị Ngọc Dung <i>Vu Thi Ngoc Dung</i>	Thành viên Ban Kiểm soát <i>Member of the Supervisory Board</i>				
	Sở hữu cá nhân <i>Individual ownership</i>		5.000 <i>5,000</i>	1.812 <i>1,812</i>	6.812 <i>6,812</i>	0,0002% <i>0.0002%</i>

STT/ No	Họ tên/ Full name	Chức vụ/ Position	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng/ Shares restricted for transfer (*)	Cổ phần chuyển nhượng tự do/ Freely transferable shares (*)	Tổng cộng/ Total (*)	Tỷ lệ sở hữu %/ Ownership percentage % (*)
7	Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên Ban Kiểm soát <i>Member of the Supervisory Board</i>				
	Sở hữu cá nhân <i>Individual ownership</i>		50.000 <i>50,000</i>		50.000 <i>50,000</i>	0,0016% <i>0.0016%</i>
8	Ngô Văn Chiến	Phó Tổng giám đốc <i>Deputy General Director</i>				
	Sở hữu cá nhân <i>Individual ownership</i>		5.000 <i>5,000</i>	2.854 <i>2,854</i>	7.854 <i>7,854</i>	0,0003% <i>0.0003%</i>
9	Nguyễn Duy Giang	Phó Tổng giám đốc <i>Deputy General Director</i>				
	Sở hữu cá nhân <i>Individual ownership</i>			28.820 <i>28,820</i>	28.820 <i>28,820</i>	0,0009% <i>0.0009%</i>
10	Nguyễn Đình Thi	Người đượ c ủy quyền công bố thông tin <i>Authorized person to disclose information</i>				
	Sở hữu cá nhân <i>Individual ownership</i>		5.000 <i>5,000</i>	1.550 <i>1,550</i>	6.550 <i>6,550</i>	0,0021% <i>0.0021%</i>
TỔNG CỘNG:			230.000	2.452.589.305	2.452.819.305	79,9525%
TOTAL:			230,000	2,452,589,305	2,452,819,305	79.9525%

Ghi chú. Note: Nếu Người nội bộ đại diện vốn cho tổ chức khác làm thành viên HĐQT, BKS thì ghi rõ thông tin liên quan của tổ chức và người đại diện sở hữu vốn tại những cột có dấu/ : If an

Insider represents capital for another organization as a member of the Board of Directors or Supervisory Board, clearly state the relevant information of the organization and the capital representative in the columns marked with ()*

Đối với số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng, PV Power chỉ xác định được số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng thuộc sở hữu của cá nhân từng cổ đông nội bộ, còn đối với số cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bị hạn chế chuyển nhượng (1.194.354.516 CP) thì không phân chia được cho từng người đại diện do đó vẫn ghi nhận tại cột Cổ phần chuyển nhượng tự do/ For the number of shares restricted from transfer, PV Power can only determine the number of shares restricted from transfer owned by each individual internal shareholder, while for the number of shares representing the capital of Vietnam Oil And Gas Group restricted from transfer (1,194,354,516 shares), it cannot be divided for each representative, so it is still recorded in the column Freely transferable shares.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ As above;
- HĐQT TCT (đề b/c)/ Board of Directors (for reporting);
- TGD TCT (đề b/c)/ General Director (for reporting);
- BKS TCT (đề b/c)/ The Supervisory Board (for reporting);
- PTGD T.V.Phuong (đề b/c)/ Deputy General Director T.V.Phuong (for reporting);
- Lưu: VT, KTKH (NMT)/ Archived: VT, KTKH (NMT).

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
TRƯỞNG BAN KTKH
AUTHORIZED BY THE GENERAL
DIRECTOR
AUTHORIZED REPRESENTATIVE FOR
INFORMATION DISCLOSURE
DIRECTOR OF THE ECONOMIC AND
PLANNING DIVISION**



Nguyễn Đình Thi